

THÔNG BÁO
Về việc mời chào giá để mua sắm
thuốc phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện 199 năm 2025

Bệnh viện 199 đang có nhu cầu mua sắm một số thuốc phục vụ cho hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện. Để có căn cứ tổ chức mua sắm, Bệnh viện 199 kính mời các đơn vị quan tâm, tham gia chào giá các mặt hàng thuốc cụ thể như sau:

1. Danh mục Thuốc mời chào giá: theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Biểu mẫu Báo giá thuốc: theo Phụ lục 1.1 đính kèm.

- Hồ sơ đính kèm: Bản photo quyết định trúng thầu còn hiệu lực của sản phẩm trong vòng 12 tháng có đóng dấu của công ty (ưu tiên quyết định trúng thầu gần nhất); hồ sơ liên quan đến sản phẩm chào giá có đóng dấu công ty; hồ sơ năng lực của nhà cung cấp (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Báo cáo tài chính, Hợp đồng tương tự 02 bản + hoá đơn bán hàng ...*).

- Bản giấy hoặc file mềm gửi về địa chỉ: Nhà thuốc Bệnh viện 199, Số 216 Nguyễn Công Trứ, phường An Hải, TP Đà Nẵng – Địa chỉ Email: nhathuocbenhvien199@gmail.com.

- Riêng file mềm bảng báo giá định dạng Excel.

- Thời gian nhận hồ sơ: Trước 15 giờ 00 phút, ngày 7 tháng 12 năm 2025.

- Người nhận: Ds Nguyễn Thị Tường Vy - ĐT: 0327.912.210.

Lưu ý: Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của đại diện hợp pháp nhà cung cấp, ghi rõ thời gian hiệu lực của báo giá. Giá chào phải bao gồm tất cả các chi phí liên quan như thuế, chi phí vận chuyển.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý nhà cung cấp. /

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KD (Vy-2b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



BS CKII Trần Quang Pháp

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo thông báo số: 250/TTB-BV199-KD ngày 27 tháng 11 năm 2025)

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
1	939	Acetyl leucine	500mg/5ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Ống	Nhóm 1	600
2	939	Acetyl leucine	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	9.000
3	559	Acid Acetylsalicylic	80mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	15.000
4	560	Acid acetylsalicylic, Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	100mg; 75mg	Uống	Viên	Viên	BDG	900
5	560	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronat natri)	70mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	320
6	82	Acid Alendronic (dưới dạng natri alendronat trihydrat) + Vitamin D3	70mg + 5600IU (dưới dạng vitamin D3 100.000IU/g)	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	320
7	83	Acid Alendronic (dưới dạng Natri alendronate trihydrate) + Vitamin D3	70mg + 2800IU (dưới dạng Vitamin D3 100.000IU/g)	Uống	Uống	Viên	Nhóm 1	320
8	83	Acid Fusidic	2%	Dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	1500
9	623	Acid Fusidic + Hydrocortison acetat	20mg/g + 10mg/g	Dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	150
10	625	Acid Thioctic	600mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
11	907	Acid thioctic (dưới dạng muối Meglumin 1167,70 mg)	600mg/50ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	50
12	907	Acid tranexamic	250 mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 5	500
13	460	Acid tranexamic	250mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 4	1.000
14	460	Acid tranexamic	500mg/5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 4	1.000
15	460	Acid tranexamic	100mg/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	500
16	460	Acid tranexamic	250mg/5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	500
17	460	Acid tranexamic	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	3.000
18		Acid zoledronic (dưới dạng Acidzoledronic monohydrat)	4mg/5ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	20
19	160	Albendazol	400mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	15.000
20	160	Albendazol	200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	1.200
21	427	Alfuzosin HCl	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.100
22	427	Alginate natri + Natri bicarbonat + Canxi carbonat	(500mg + 213mg + 325mg)/10ml	Hỗn dịch uống	Viên	Gói	Nhóm 1	4.800
23	76	Allopurinol	300 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
24	508	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate), Valsartan, Hydrochlorothiazide	10mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.120
25	508	Amlodipin (dưới dạng amlodipin besilate), Valsartan, Hydrochlorothiazide	5mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.120
26	503	Amlodipin + Lisinopril	5mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
27	500	Amlodipine (dưới dạng amlodipine besilate)	5mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	3.600
28	507	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	10mg + 160mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.120
29	507	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.360
30	169	Amoxicillin (dưới dạng amoxicillin trihydrat 1005mg) 875mg; Acid clavulanic (dưới dạng kali clavulanat 149mg) 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	4.000
31	169	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrat) 500mg; Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanat) 125mg	500mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	2.000
32	169	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (Dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.200
33	573	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci.1,5H ₂ O)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
34	573	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Hemi-calci.1,5H ₂ O)	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
35		Baclofen	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.000
36	815	Bào tử kháng đa kháng sinh Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/ 5ml	Uống	Hỗn dịch uống	Ống	Nhóm 1	4.000
37	718	Benfotiamine	150mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
38	872	Betahistin dihydroclorid	16mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	4.800
39	872	Betahistine dihydrochloride	16mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
40	872	Betahistine dihydrochloride	24mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
41		Betamethason (dưới dạng betamethason dipropionat) + Acid salicylic	(0,5mg + 30mg)/1g	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5	50
42	637	Bilastine	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	500
43	637	Bilastine	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
44	511	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.500
45	511	Bisoprolol fumarate	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.500
46	953	Budesonid	1mg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Thuốc hít định liều	Ống	BDG	60
47	953	Budesonid	1mg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Thuốc hít định liều	Ống	BDG	60
48	953	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Dạng hít	Thuốc hít định liều	Bình	BDG	20
49	953	Budesonid, Formoterol fumarate dihydrate	Budesonid 160mcg; Formoterol fumarate dihydrate 4,5mcg; 120 liều	Hít/Dạng hít	Thuốc hít định liều	Ống	BDG	20
50	953	Budesonide	64mcg/liều xịt, lọ 150 liều	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Lọ	Nhóm 4	100
51	953	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Thuốc hít định liều	Ống	BDG	60
52	953	Budesonide	500mcg/2ml	Hít/Đường hô hấp	Thuốc hít định liều	Ống	BDG	60
53	2	Bupivacaine hydrochloride anhydrous (dưới dạng Bupivacaine hydrochloride)	100mg/20ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	600
54	2	Calci nguyên tố (dưới dạng Calci carbonat) + Cholecalciferol (Vitamin D3)	600mg + 400IU	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.200
55	1007	Calcipotriol	50mcg/g	Thuốc mỡ	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	20
56	606	Calcium glubionate; Calcium lactobionate	Calcium glubionate 1469,30mg; Calcium lactobionate 319,91mg	Uống	Dung dịch	Ống	Nhóm 2	3.000
57		Cao toàn phần không xà phòng hóa quả bơ và dầu đậu nành 300mg; (Tương ứng: phần không xà phòng hóa dầu quả bơ 100mg; phần không xà phòng hóa dầu đậu nành 200mg)	300mg (100mg + 200mg)	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	600
58	884	Carbetocin	100mcg/1ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	200
59	199	Cefuroxim (Dưới dạng Cefuroxim axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500
60		Cinnarizine	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	2.000
61	233	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydrochloride)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.000
62	233	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin hydroclorid monohydrat)	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	60
63	233	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin Hydrochloride)	300mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	760
64		Clobetasol propionat	0,05% (w/w)	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4	100

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
65	610	Clobetasol propionate	0,05% w/w	Thuốc mỡ	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5	50
66	610	Clobetasone Butyrate (dưới dạng micronised)	5g ; 0,05% (kl/kl)	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Tuýp	BDG	50
67		Clopidogrel hydrogen sulphate tương đương 97,875mg với Clopidogrel base 75mg	75mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.800
68	563	Clotrimazole	1% kl/kl	Dung dịch nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai	Lọ	Nhóm 5	100
69	0	Colchicin	1mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000
70	77	Cyanocobalamin	1000mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	5.000
71	1030	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	1mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
72		Dabigatran etexilate (dưới dạng Dabigatran etexilate mesilate)	150mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	300
73	564	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.400
74		Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.400
75		Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg/1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.400
76		Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat); Metformin hydrochlorid	10mg/500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.400
77		Desloratadin	0,5mg/ml	Siro	Uống	Chai	Nhóm 1	50
78	101	Desloratadine	5mg	Uống	Uống	Viên	Nhóm 1	5.000
79	101	Diacerein	50mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2	1.200
80	79	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g gel	Gel bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	300
81	37	Diclofenac natri	75mg/3ml	Dung dịch thuốc tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	200
82	37	Diclofenac natri	100mg	Uống	Đặt trực tràng	Viên	Nhóm 1	300
83	37	Diclofenac Sodium	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.200
84	37	Dienogest	2mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.400
85		Diosmectite	3 gam	Uống	Bột pha uống	Gói	Nhóm 1	3.000
86	721	Diosmin 90% 900mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 100mg	900mg; 100mg	Uống	Viên	Viên	BDG	9.000
87	554	Dobutamin (dưới dạng dobutamin HCl)	50mg/ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	Nhóm 2	600
88	691	Domperidone	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	2.000

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
89		Drospirenon, Ethinylestradiol	3mg; 0,03mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.100
90	699	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.000
91	699	Drotaverine hydrochloride	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
92	699	Drotaverine hydrochloride	40mg/2ml	Tiêm bắp / Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Ống	BDG	200
93	428	Dutasteride	0,5mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	3.000
94		Dutasteride ; Tamsulosin hydrochloride	0,5mg+0,4mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	600
95	763	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	800
96		Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosilat)	15mg	Uống	Viên	Viên	BDG	420
97		Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosilat)	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG	420
98		Edoxaban (dưới dạng edoxaban tosilat)	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG	840
99	779	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.500
100	779	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.500
101		Empagliflozin + Linagliptin	10mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.500
102		Empagliflozin + Linagliptin	25mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.500
103		Empagliflozin + Metformin hydroclorid	12,5mg + 1000mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
104		Empagliflozin + Metformin hydroclorid	12,5mg + 850mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
105		Empagliflozin + Metformin hydroclorid	5mg + 1000mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
106	454	Enoxaparin natri	4000 anti-Xa IU/0,4ml tương đương 40mg/0,4ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Bơm tiêm	BDG	20
107	817	Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5	9.000
108	484	Epoetin alfa	4000 IU/0,4ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Nhóm 1	20
109	484	Epoetin alfa	2000 IU/0,5ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Nhóm 1	20
110		Esomeprazol (dưới dạng Esomeprazol magnesi trihydrat)	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.600
111	683	Esomeprazol magnesi dihydrat	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
112		Esomeprazole natri	42,5mg (tương đương với esomeprazol 40mg)	Tiêm/Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	BDG	50
113		Estradiol	2mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5	600
114	901	Etifoxin hydroclorid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	600

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
115	0	Etonogestrel	68mg	Que cấy dưới da	Thuốc cấy dưới da	Que	Nhóm 1	5
116		Febuxostat	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000
117		Fenofibrate	160mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
118		Fenofibrate	200mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	3.000
119		Fenofibrate (Nanoparticles)	145mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
120	451	Ferrous Sulfate + Acid folic	50mg sắt + 0,35mg acid folic	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
121	106	Fexofenadin hydroclorid	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
122	106	Fexofenadine hydrochloride	180mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
123	296	Fluconazol	150mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2	3.000
124	344	Flunarizin (dưới dạng Flunarizin dihydroclorid)	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000
125	42	Flurbiprofen	8,75mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5	1.920
126		Fluticasone propionat	50mcg/liều xịt, lọ 60 liều	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Lọ	Nhóm 4	100
127		Fluticasone propionate ; Salmeterol xinafoate	Fluticasone propionate 50mcg; Salmeterol 25mcg/liều	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều	Bình xịt	BDG	30
128	624	Fusidic acid + Betamethason (dưới dạng valerat)	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	200
129		Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	6.000
130	946	Ginkgo biloba	120mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
131	781	Gliclazide	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
132	781	Gliclazide	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
133	463	Human albumin	20%; 200g/l (10g/50ml)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	50
134	463	Human Albumin	200 g/l	Tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Chai	Nhóm 1	50
135	463	Human Albumin	10g/50ml (20%)	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	50
136	463	Human Albumin	20% x 100ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Nhóm 1	50
137	463	Human Albumin	20% x 50ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Nhóm 1	50
138		Hydroxypropylmethyl cellulose	45mg/15ml (0,3%)	Nhỏ mắt	Dung dịch	Lọ	Nhóm 4	400
139	700	Hyoscin butylbromid	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	300
140	786	Insulin aspart (rDNA)	300U/3ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	50

STT	T.T 20/2022/T.T- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
141	788	Insulin aspart biphasic (rDNA) 1ml hỗn dịch chứa 100U của insulin aspart hòa tan/insulin aspart kết tinh với protamine theo tỷ lệ 30/70 (tương đương 3,5 mg)	100U/1ml	Hỗn dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	400
142	788	Insulin degludec + Insulin aspart	(7,68mg + 3,15mg)/3ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	50
143	787	Insulin glargine	300 (đơn vị) U/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	30
144	787	Insulin glargine	100 đơn vị/ml (1000 đơn vị/lọ 10ml)	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Lọ	BDG	100
145	787	Insulin glargine	100 đơn vị/1ml	Tiêm dưới da	Thuốc tiêm	Bút tiêm	BDG	100
146		Insulin glargine, Lixisenatide	Insulin glargine 100 đơn vị/ml, Lixisenatide 50mcg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	50
147	791	Insulin Human (rDNA) (isophane insulin crystals) + Insulin Human (rDNA) (soluble fraction)	(700IU + 300IU)/10ml	Hỗn dịch tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1	100
148	786	Insulin lispro	300U (tương đương 10,5mg)/3ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	50
149	791	Insulin người (30% insulin hòa tan + 70% insulin isophan)	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	20
150	791	Insulin người rDNA (30% insulin hòa tan và 70% insulin isophane)	300IU/3ml	Hỗn dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	100
151		Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml x 50ml	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạch/ các khoang của cơ thể)	Thuốc tiêm	Chai	BDG	50
152		Iohexol	647mg/ml tương đương Iod 300mg/ml x 100ml	Tiêm (tĩnh mạch/ động mạch/ nội tủy mạch/ các khoang của cơ thể)	Thuốc tiêm	Chai	BDG	50
153		Iopromide	768,86 mg/ml (tương ứng với 370mg Iod), 100ml	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	BDG	50
154		Iopromide	623,4mg/ml (tương ứng với 300mg Iod), 100ml	Tiêm tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Lọ	BDG	50
155	988	Isoleucine + Leucine + Lysine (dưới dạng Lysine Acetate) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Glycine + Alanine + Proline + Aspartic Acid + Asparagine + Cystein (dưới dạng Acetylcystein) + Glutamic Acid + Ornithine (dưới dạng Ornithine HCl) + Serine + Tyrosine (dưới dạng N - Acetyltyrosine)	(4,4gam + 6,8gam + 3,755gam + 0,6gam + 0,8gam + 2,3gam + 0,75gam + 5,3gam + 4,4gam + 2,35gam + 3,15gam + 4,15gam + 3,55gam + 1,25gam + 0,24gam + 0,295gam + 2,85gam + 0,65gam + 1,85gam + 0,35gam)/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	Chai	Nhóm 1	200

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
156	988	Isoleucine + Leucine + Lysine hydrochloride (tương đương với Lysine 1,7125gam) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	(1,25gam + 2,225gam + 2,14gam + 1,10gam + 1,175gam + 1,05gam + 0,40gam + 1,55gam + 2,875gam + 0,75gam + 2,625gam + 3,00gam + 1,40gam + 1,80gam + 1,375gam + 0,575gam + 0,10gam + 0,7145gam + 0,09gam + 0,61325gam + 0,127gam + 0,89525gam)/250ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Nhóm 1	200
157	988	Isoleucine + Leucine + Lysine hydrochloride (tương đương với Lysine 1,7125gam) + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	(1,25gam + 2,225gam + 2,14gam + 1,10gam + 1,175gam + 1,05gam + 0,40gam + 1,55gam + 2,875gam + 0,75gam + 2,625gam + 3,00gam + 1,40gam + 1,80gam + 1,375gam + 0,575gam + 0,10gam + 0,7145gam + 0,09gam + 0,61325gam + 0,127gam + 0,89525gam)/250ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tiêm truyền	Chai	Nhóm 1	200
158		Isosorbide-5-mononitrate	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	600
159		Isosorbide-5-mononitrate	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	600
160		Itoprid hydrochlorid	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	4.000
161	300	Itraconazole	100mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	4.000
162	162	Ivermectin	3mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	800
163		Kali chlorid	600mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
164	301	Ketoconazol	20mg/g	Kem bôi da	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5	100
165		Ketoprofen	2,5g/100g gel 2,5% (w/w), 30g	Bôi ngoài da	Gel bôi ngoài da	Tuýp	Nhóm 1	100
166	46	Ketorolac Tromethamin	30mg/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	600
167		Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch	Gói	BDG	800
168	234	Levofloxacin hydrat	25mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
169		Levonorgestrel	52mg	Đặt tử cung	Hệ phóng thích thuốc qua dụng cụ đặt tử cung	Dụng cụ	Nhóm 1	10
170	804	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.200
171		Levothyroxine sodium 0,1mg	0,1mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
172	792	Linagliptin	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.400
173	793	Linagliptin + Metformin HCl	2,5mg + 850mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.400

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
174	793	Linagliptin + Metformin hydrochloride	2,5mg + 1000mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.400
175	793	Linagliptin + Metformin hydrochloride	2,5mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.400
176	794	Liraglutide	18mg/3ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm 1	30
177	987	L-Isoleucin + L-Leucin + LLysin acetat + LMethionin + LPhenylalanin + L-Threonin + LTryptophan + LValin + L-Alanin + L-Arginin + L-Aspartic acid + L-Histidin + L-Prolin + L-Serin + LTyrosin + Glycin	(0,920g + 0,945g + 0,395g + 0,044g + 0,030g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,840g + 1,537g + 0,020g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,040g + 0,540g)/100ml; 7,58%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Túi	Nhóm 1	50
178	987	L-Isoleucin + L-Leucin + LLysin acetat + LMethionin + LPhenylalanin + L-Threonin + LTryptophan + LValin + L-Alanin + L-Arginin + L-Aspartic acid + L-Histidin + L-Prolin + L-Serin + LTyrosin + Glycin	(0,920g + 0,945g + 0,395g + 0,044g + 0,030g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,840g + 1,537g + 0,020g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,040g + 0,540g)/100ml; 7,58%	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Túi	Nhóm 1	100
179	0	L-Isoleucin + L-Leucin + L-Lysin Hydrochlorid + LMethionin + L-Phenylalanin + L-Threonin + LTryptophan + L-Valin + LHistidin Hydrochlorid Hydrat	203,9mg + 320,3mg + 291,0mg + 320,3mg + 320,3mg + 145,7mg + 72,9mg + 233,0mg + 216,2mg	Uống	Bột pha uống	Gói	Nhóm 1	1.200
180	726	Loperamide hydrochloride	2mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 1	1.000
181	109	Loratadin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	500
182	736	L-ornithin L-aspartat	0.5g/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	100
183	534	Losartan kali	50 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
184	711	Macrogol 4000: 64 g; Anhydrous sodium sulfate: 5,7 g; Sodium bicarbonate: 1,68 g; Sodium chloride: 1,46 g; Potassium chloride: 0,75 g.	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Thuốc bột uống	Gói	Nhóm 1	500
185		Magnesi aspartat anhydra + kali aspartat anhydrat	140mg + 158mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
186	1029	Magnesi lactat dihydrat; Pyridoxin hydrochlorid	470mg + 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	5.000
187	163	Mebendazole	500mg	Uống	Uống	Viên	Nhóm 5	500
188		Mebeverin hydrochlorid	200mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	900
189	947	Mecobalamin	0,5mg/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	3.000
190	947	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	6.000
191	999	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean Oil	10,0g/100ml + 10,0g/100ml; 100ml	Nhũ tương tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Chai	Nhóm 1	300

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
192	999	Medium-chain Triglycerides + Soya-bean Oil	10,0g/100ml + 10,0g/100ml; 250ml	Nhũ tương tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Chai	Nhóm 1	300
193		Melatonin	3mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4	3.000
194	48	Meloxicam	15mg/1,5ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	200
195	48	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	10.000
196	48	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000
197	795	Metformin	750mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.000
198	795	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
199	795	Metformin hydrochloride	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	6.000
200	802	Metformin Hydrochloride + Vildagliptin	850mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
201	802	Metformin Hydrochloride + Vildagliptin	500mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
202	802	Metformin Hydrochloride + Vildagliptin	1000mg + 50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
203	755	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	5.600
204	755	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
205	755	Methyprednisolon	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 4	500
206	537	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
207	934	Mirtazapine	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	2.800
208		Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 mg acid zoledronic monohydrate) 5mg	5mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai	BDG	30
209		Mỗi 100ml chứa: Acid Zoledronic khan (tương ứng 5,33 mg acid zoledronic monohydrate) 5mg	5mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm	Chai	BDG	30

Minh
2

STT	TT 20/2022/TT- BVT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
210		Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngâm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Mỗi liều chưa phóng thích chứa 100mcg fluticasone furoate; 62,5mcg umeclidinium (tương đương với 74,2mcg umeclidinium bromide) và 25mcg vilanterol (dạng trifenate). Liều này tương ứng với liều phóng thích (liều đi ra khỏi đầu ngâm của dụng cụ hít) chứa 92mcg fluticasone furoate; 55mcg umeclidinium (tương đương với 65mcg umeclidinium bromide) và 22mcg vilanterol (dạng trifenate)	Hít qua miệng	Thuốc hít định liều	Hộp	Nhóm 1	50
211		Mỗi liều phóng thích chứa: Budesonid 160mcg, Glycopyrronium 7,2mcg, Formoterol fumarat dihydrat 5mcg	160mcg + 7,2mcg + 5mcg	Hít/Đường hô hấp	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	Nhóm 1	50
212		Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 125mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều	Bình xịt	BDG	30
213		Mỗi liều xịt chứa: Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised); Fluticasone propionate (dạng micronised)	Salmeterol (dạng Salmeterol xinafoate micronised) 25mcg và Fluticasone propionate (dạng micronised) 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc hít định liều	Bình xịt	BDG	20
214	960	Montelukast (dạng Montelukast natri)	4mg	Uống	Bột pha uống	Gói	Nhóm 1	2.800
215	960	Montelukast (dạng Montelukast natri)	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	2.800
216		Natri alginate + Natri bicarbonate + Calci carbonate	(500mg + 267mg + 160mg)/10ml	Hỗn dịch uống	Uống	Gói	Nhóm 1	4.800
217	37	Natri diclofenac	75mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	1.000
218	856	Natri hyaluronat tinh khiết	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	200
219	856	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	200
220	157	Natri valproat	200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	4.000
221	157	Natri valproate	200mg/ml	Uống	Dung dịch	Chai	Nhóm 2	50
222	158	Natri valproate; Acid valproic	333,00mg; 145,00mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
223	54	Nefopam hydrochloride	20mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Ống	Nhóm 1	i.200

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
224		Neomycin; Polymyxin B; Dexamethason	35mg; 100.000IU; 10mg/10ml	Nhỏ mắt, mũi, tai	Dung dịch	Lọ	Nhóm 4	100
225		Neostigmine methylsulfat	0,5 mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 4	1.000
226	539	Nicardipin hydrochlorid	10mg/10ml	Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	100
227	540	Nifedipin	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG	900
228		Nitric oxide	0,5%/0,2%	Xịt mũi	Dung dịch xịt mũi	Hộp		50
229	134	Noradrenalin base (dưới dạng noradrenalin tartrat)	4mg/4ml	Dung dịch đậm đặc để tiêm hoặc tiêm truyền tĩnh mạch sau khi pha loãng	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	30
230	239	Ofloxacin	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
231	745	Otilonium bromide	40mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.500
232	56	Paracetamol	500mg	Uống	Uống	Viên	Nhóm 1	6.400
233	541	Perindopril arginine (tương ứng với 3,395mg perindopril) 5 mg	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
234	541	Perindopril arginine (tương ứng với 6,790 mg perindopril)/10 mg	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
235	542	Perindopril arginine 10mg (tương đương 6,79mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	10mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
236	543	Perindopril arginine 10mg (tương đương 6,79mg perindopril); Indapamide 2,5mg	10mg; 2.5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
237	542	Perindopril arginine 10mg (tương ứng 6,79mg perindopril); Amlodipine (dưới dạng amlodipin besilate) 10mg	10mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
238	542	Perindopril arginine 5mg; (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine(dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
239	542	Perindopril arginine 5mg; (tương ứng 3,395mg perindopril); Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besylat) 10mg	5mg; 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
240		Perindopril tert- butylamin+ Amlodipin	4mg+ 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	900
241		Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90% 450mg; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10% 50mg	450mg; 50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	9.000
242	949	Piracetam	800mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	9.000
243	949	Piracetam	1200mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
244	861	Pirenixin	0,25mg/5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	50
245	862	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	0,4% + 0,3%	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
246	862	Polyethylene glycol 400 + Propylene glycol	4mg/ml + 3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt vô khuẩn	Nhỏ mắt	Chai	Nhóm 1	100
247	983	Potassium chloride	1g/10ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 1	300
248	664	Povidon iod	10% (kl/tt)	Dung dịch sát trùng âm đạo	Dùng ngoài	Chai	Nhóm 1	150
249		Prasugrel (dưới dạng prasugrel hydroclorid)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	560
250		Prasugrel (dưới dạng prasugrel hydroclorid)	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	560
251	155	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	2.800
252	155	Pregabalin	150mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	1.400
253	155	Pregabalin	75mg	Uống	Uống	Viên	Nhóm 1	3.000
254		Progesterone	1%	Bôi ngoài da	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1	30
255		Progesterone dạng bột siêu mịn (progesterone micronized)	200mg	Uống, đặt âm đạo	Viên nang	Viên	Nhóm 1	600
256	20	Proparacain hydroclorid	0,5% (w/v)	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	50
257	21	Propofol	10mg/ml	Nhũ tương tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm 2	500
258		Racecadotril	30mg/gói	Uống	Thuốc bột uống	Gói	BDG	600
259	688	Rebamipid	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	3.000
260		Rifamycin (dưới dạng Rifamycin natri)	200.000IU	Nhỏ tai	Dung dịch	Lọ	Nhóm 4	50
261	91	Risedronat natri	35mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	320
262	568	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500
263	568	Rivaroxaban	15mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500
264	568	Rivaroxaban	20 mg	Uống	Viên	Viên	BDG	500
265	30	Rocuronium bromid	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 2	600
266	583	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.600
267	583	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.600

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
268	729	Saccharomyces boulardii CNCM I-745	200mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm I	2.000
269	729	Saccharomyces boulardii CNCM I-745	100mg	Uống	Bột pha uống	Gói	Nhóm I	2.000
270		Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	97,2mg và 102,8mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 226,206mg)	Uống	Viên	Viên	Nhóm I	560
271		Sacubitril và Valsartan (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri)	48,6mg và 51,4mg (dưới dạng muối phức hợp sacubitril valsartan natri 113,103mg)	Uống	Viên	Viên	Nhóm I	560
272		Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	Xịt theo đường miệng	Thuốc hít định liều	Bình xịt	BDG	50
273	445	Sắt (III) (dưới dạng sắt protein succinylat)	40mg (800mg)	Dung dịch uống	Uống	Lọ	Nhóm I	1.000
274		Semaglutide	1,34 mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút tiêm	Nhóm I	20
275	739	Simethicone	40mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm I	10.000
276	800	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	50mg, 500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
277	800	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin Phosphate monohydrate) , Metformin Hydrochloride	50mg, 850mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
278	800	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 100mg, Metformin HCl 1000mg	100mg/1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
279	800	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate); Metformin Hydrochloride	50mg, 1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
280	670	Spironolacton	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm I	3.000
281	670	Spironolactone	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm I	3.000
282	923	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2	2.000
283	433	Tamsulosin hydroclorid	0,4mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
284	547	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	900
285	267	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	6.000
286	806	Thiamazole	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm I	3.000
287	1024	Thiamine hydrochloride 100mg; Pyridoxine hydrochloride 100mg; Cyanocobalamin 1mg	100mg + 100mg + 1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Ống	Nhóm I	300
288	571	Ticagrelor	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG	1.200
289	571	Ticagrelor	90mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.400
290	967	Tiotropium	0,0025mg/nhất xịt	Dung dịch để hít	Thuốc hít định liều	Hộp	Nhóm I	20

STT	TT 20/2022/TT- BYT ngày 31/12/2022	Tên hoạt chất	Nồng độ/ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc	Số lượng
291	218	Tobramycin	3mg/ml (0.3%)	Dung dịch thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
292	218	Tobramycin	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	200
293	219	Tobramycin (dưới dạng tobramycin sulfate) + Dexamethasone	3mg/1ml + 1mg/1ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	100
294	219	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/1ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	200
295	823	Tolperison hydrochlorid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	9.000
296	64	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5mg + 325mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1	9.000
297	492	Trimetazidin dihydrochloride	80mg	Uống	Viên nang	Viên	BDG	900
298	871	Tropicamid + Phenylephrin hydrochlorid	50mg/10ml + 50mg/10ml	Dung dịch nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1	50
299	549	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG	2.800
300	549	Valsartan	80mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
301	549	Valsartan	160mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	3.000
302	550	Valsartan + Hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	3.000
303	550	Valsartan + Hydrochlorothiazid	160mg + 25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	3.000
304	550	Valsartan + Hydrochlorothiazid	160mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4	3.000
305	801	Vildagliptin	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG	5.600
306	950	Vinpocetin	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
307	950	Vinpocetin	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG	6.000
308	1013	Vitamin C	1000mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2	5.000
309	883	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	Thuốc xịt mũi có phân liều	Thuốc xịt mũi	Lọ	Nhóm 1	50
310	93	Zoledronic acid (dưới dạng Zoledronic acid monohydrat)	4mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	Nhóm 2	20
311		Ranolazine	375mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000
312		Ranolazine	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG	3.000

Phụ lục 1.1: Mẫu báo giá
(Kèm theo Thông báo số: 2560/TB-BV199-KD ngày 27 tháng 11 năm 2025)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện 199

Tên hãng sản xuất, nhà cung cấp:

Địa chỉ:

Tel: Mobile:

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện 199, chúng tôi....[ghi tên Công ty] báo giá cho các thuốc như sau:

1. Báo giá cho các thuốc:

STT	Số TT yêu cầu báo giá	Phân nhóm thuốc	Tên thuốc	Tên hoạt chất/thành phần	Nồng độ, hàm lượng	SDK/GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Bảo giá đã có VAT (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày trúng thầu đến ngày báo giá			
																Giá trúng thầu (VNĐ)	Số quyết định trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiệu lực hợp đồng
1																			
2																			
3																			

(Kèm theo là bản copy các Quyết định trúng thầu/các hợp đồng cung cấp thuốc)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày tháng năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo qui định của Pháp luật về doanh nghiệp;

- Cam kết về chất lượng của sản phẩm;

- Cam kết chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình; cam kết bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm qui định của Pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá;

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực và chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những thông tin trên.

....., ngày..... tháng..... năm 2025

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký, họ tên, chức vụ, đóng dấu (nếu có))

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

1000

